

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5305	Nguyễn Thị Hương		08/03/1936	270447347	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5306	Nguyễn Thị Thu Thanh		05/05/1936	270438274	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5307	Phạm Thị Bé		02/07/1936	270446288	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5308	Hoàng Thị Tâm		20/10/1936	270446130	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5309	Nguyễn Minh Duy	14/02/2005		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5310	Nguyễn Thị Thu Hoa		27/10/1981	271399401	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5311	Lê Văn Lực	01/01/1955		285379935	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5312	Nguyễn Thị Miên		01/01/1937	270446432	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5313	Nguyễn Thị Loan		26/11/1961	270446767	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5314	Nguyễn Văn Nghi	21/04/1937		270446318	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5315	Nguyễn Hữu Phần	04/04/1937		270446689	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5316	Nguyễn Thị Loan		03/06/1937	270446766	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5317	Vũ Thị Thái		01/01/1942	270644919	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5318	Nguyễn Thị Hoài		24/07/1937	270438378	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
5319	Hồ Văn Kện	27/08/1937		270693781	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5320	Hoàng Thị Tiệu		15/10/1937	020137000003	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5321	Huộc Văn Thắng	13/02/2009		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5322	Võ Thị Thanh Thúy		26/03/1985	271662498	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5323	Trịnh Thị Hiền		01/01/1938	270282234	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5324	Trương Thị Ngọc		07/02/1945	310359754	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5325	Trần Minh Đăng	29/06/2016		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5326	Ngô Thị Văn		03/05/1993	272161058	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5327	Hoàng Thị Sánh		13/08/1938	270797143	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5328	Lê Phúc Huy	14/09/2009		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5329	Lê Phúc Thiên An		13/10/2010	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặcbiệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5330	Lê Phúc Toàn	08/12/1986		272747656	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5331	Lộc Xay Xuyên		24/11/1990	271968797	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5332	Huỳnh Văn Khá	10/02/1937		270382297	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5333	Nguyễn Thị Tâm		19/11/1961	270446644	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5334	Nguyễn Thị Từ		01/01/1939	270446470	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5335	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1939		272746101	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5336	Nguyễn Thị Ba		01/01/1946	272240909	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5337	Võ Văn Xi	01/01/1939		270447245	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5338	Vũ Thị Láng		01/01/1939	270446704	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5339	Bùi Thị Tốt		02/01/1939	270438313	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5340	Trần Thị Cài		21/12/1933	080784595	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5341	Trần Văn Học	01/03/1939		270693684	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5342	Đỗ Hà Anh		13/09/2016	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5343	Đỗ Văn Men	02/09/1988		271822971	Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5344	Nguyễn Tương	19/11/1993		272332223	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5345	Nguyễn Dụ	03/05/1969		270797278	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5346	Mai Văn Ngọc	11/06/1939		270604187	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5347	Trần Anh Tài	04/05/1972		271153305	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5348	Lê Trần Huyền Anh		17/09/2012	Còn nhỏ	Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5349	Nguyễn Thái Phong	14/02/1976		272461744	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5350	Nguyễn Thị Nhật		25/12/1949	270586480	Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5351	Huỳnh Văn Cảnh	10/10/1939		270447366	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5352	Nguyễn Quang Huy	17/02/2003		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5353	Nguyễn Thị Lầu		01/01/1940	270430975	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5354	Nguyễn Công Khánh	01/01/1964		272430515	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5355	Lâm Thị Phương		26/10/1962	270577833	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5356	Lê Bình An	23/10/2013		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5357	Phùng Thị Liên		10/11/1978	0821032238	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5358	Lê Bình An	23/10/2013		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5359	Phùng Thị Liên		10/11/1978	0821032238	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5360	Nguyễn Thị Ngừng		01/01/1954	Không có CMND/Hòa	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
5361	Trần Thanh Tịnh	01/01/1924			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5362	Phạm Hồng Tư	15/07/1950		271647903	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5363	Hồ Shie		01/01/1916		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5364	Ngô Thị Hà		24/06/1964		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5365	Nguyễn Thị Thoa		01/01/1922		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5366	Vũ Đình Phong	03/01/1970		271082672	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5367	Đình Ngọc Cường	01/01/1974			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5368	Đình Văn Minh	01/01/1949			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5369	Nguyễn Văn Lưu	01/01/1960			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5370	Nguyễn Thị Uy		01/01/1927		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5371	Nguyễn Thị Chuông		01/01/1929		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5372	Trương Thị Tha		01/01/1930		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5373	Vũ Văn San	01/01/1930			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5374	Nguyễn Thị Khiếu		01/01/1935		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5375	Vũ Thị Đậu		01/01/1935		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5376	Hoàng Thị Bích Liên		06/05/1982	271522830	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5377	Nguyễn Thị Nông		01/01/1927		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5378	Đoàn Thị Thanh		01/01/1929		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5379	Nguyễn Thị Hải		30/12/1935		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5380	Nguyễn Thị Dương		05/08/1930		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5381	Nguyễn Văn Thương	01/01/1937			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5382	Miu Sênh Nam	12/06/1964			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5383	Nguyễn Thị Kinh		01/01/1931		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5384	Phan Thị Thanh		01/01/1931		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5385	Gì A Sơn	11/10/1977			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5386	Trần Văn Phong	01/01/1931			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5387	Phạm Văn Chí	01/01/1956			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5388	Hoàng Thị Tăng		01/01/1925		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5389	Trần Thị Xê		01/01/1932		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5390	Nguyễn Văn Nhờ	03/01/1951			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5391	Nguyễn Lê Nhật Hồng		18/04/2000		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5392	Đào Thị Luyến		01/03/1933		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5393	Đặng Thị Nội		01/01/1933		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5394	Phạm Đình Tuấn	27/02/1973			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5395	Phạm Hoàng Oanh		24/01/2004		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5396	Phùng Thị Tho		05/07/1982		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5397	Ngân Quang Huy	05/02/2006			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5398	Phạm Thị Hương		01/01/1934		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5399	Lại Thị Thùy Trang		01/01/1981		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5400	Gì Thị Hoàng		12/04/1961	270684492	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5401	Nguyễn Thị Thanh		01/08/1987		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5402	Vũ Thị Thược		01/01/1963	271646498	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5403	Trương Gia Công	20/07/1996			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5404	Phạm Thị Khuyên		01/01/1935		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5405	Lại Thị Dạ Thảo		20/03/1960		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5406	Nguyễn Duy Thanh	01/01/1935			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5407	Phạm Thị Hương		25/03/1975		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5408	Phạm Văn Hội	07/10/1973			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5409	Phạm Văn Hoat	19/07/1980			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5410	Lê Thị Ngọc Mỹ		22/12/1981		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5411	Đỗ Thị Nhung		15/12/1956		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5412	Hoàng Thị Dậu		05/01/1945		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5413	Nguyễn Văn Phương	01/01/1942			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5414	Lâm Sỹ Sần	22/01/1948			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5415	Nguyễn Thị Hương		01/01/1937		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5416	Phạm Thị Roi		02/02/1937		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5417	Phạm Văn Hạng	01/01/1940		270684760	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5418	Trương Văn Lưu	19/05/1952		272182033	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5419	Trần Thị Tin		14/05/1937	270645369	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5420	Đặng Thị Hằng		15/08/1980	272432985	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
5421	Vũ Thị Hương		15/02/1937	271120192	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5422	Vũ Thị Dân		06/04/1937	272493504	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5423	Phạm Văn Hội	01/01/1947		270684536	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5424	Nguyễn Thị Tường		01/01/1947	270684537	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5425	Lý Thị Tứ		20/02/1961	270684605	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5426	Nguyễn Thị Vóc		01/01/1949	272624133	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5427	Nguyễn Văn Lạng	01/01/1949		272624163	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5428	Nguyễn Quốc Tuấn	10/12/1967		270684734	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5429	Vũ Văn Thành Đạt	25/08/1997		272559836	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5430	Nguyễn Thị Lựu		08/03/1964		ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5431	Trần Văn Uyên	03/02/1939		272493505	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5432	Vũ Thị Tám		01/01/1939	160597027	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5433	Vũ Thị Gấm		01/01/1939	271936816	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5434	Miêu Đức Thái Bảo	03/01/2012			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5435	Miêu Đức Thái Tú	31/07/2017			ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5436	Trần Thị Thúy		19/06/1984	271575874	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5437	Phún Thị Sắt		20/07/1939	270684275	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5438	Hoàng Thị Hoa		09/03/1939	271646500	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5439	Vũ Thị Mơ		01/01/1940	272493512	ấp Lợi Hà, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5440	Nguyễn Thị Vui		10/09/1966	164108323	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5441	Lại Thị Chấn		01/01/1922		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5442	Vòng Sĩ Nhi		06/04/1925		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5443	Vòng Nhi Mùi		29/07/1918		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5444	Lộc Mãn Mùi		01/01/1932		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5445	Tai Nhục Phí	23/03/1961			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5446	Thín Cay Lộc	10/01/1990			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5447	Hồ Hải Yến		12/07/1991		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5448	Vòng Ứng Mùi		29/08/1990		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5449	Lý Lộc Múi		03/10/1987		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5450	Chống Bạt Múi		15/07/1960		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5451	Hà Văn Kiến	01/01/1926			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5452	Ứng Mạnh Sáng	19/10/1928			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5453	Sỹ Vĩnh Hùng	09/03/1928			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5454	Phó Nhị Múi		04/08/1929		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5455	Hồng Kim Phước	01/01/1927			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5456	Vòng Sỹ		01/01/1927		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5457	Chè Cam	05/03/1929			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5458	Trung Thị Tư		01/01/1931		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5459	Tăng Giang	15/02/1931			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5460	Lương Tỏi Dầu	07/08/1930			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5461	Sỹ Man Múi		01/02/1931		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5462	Bành Tích Vinh	10/12/1930			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5463	Sấm Sênh	01/01/1930			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5464	Trần Minh Châu	08/08/1981			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5465	Trương Hữu Dục	01/01/1932			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5466	Ngân Phi Dũng	02/05/1996			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5467	Chống Sỹ		07/07/1930		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5468	Vũ Văn Lạc	04/05/1961			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5469	Nguyễn Thị Lan		18/09/1966		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5470	Hầu Lý Sầu	02/12/1987			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5471	Đặng Đức Hạnh	01/01/1961			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5472	Chương Ứng Mùi		04/02/1933		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5473	Thống Sếnh Xường	01/01/1933			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5474	Nguyễn Thị Nhiệm		01/01/1933		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5475	Võ Thị Thúy Vy		27/07/2006		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5476	Võ Thanh Tùng	25/08/1984			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5477	Màn Nhì Mùi		01/01/1931		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5478	Tsản A Nê		03/11/1934		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5479	Vòng Bắc Sáng	01/01/1934			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5480	Chí Say Hồng		01/01/1940	270721295	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5481	Sín Sám Múi		01/01/1933		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5482	Lý A Phúc	04/05/1989			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5483	Sám A Tài	01/01/1930			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5484	Nguyễn Thanh Tuấn	20/03/1986			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5485	Nguyễn Thị Thanh Thúy		20/01/2013		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5486	Trương Thị Thu Hằng		14/02/1982		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5487	Nguyễn Văn Bình	01/01/1935			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5488	Trịnh Thị Yến		01/01/1935		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5489	Dương Hải	01/01/1935			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5490	Chí Sám Múi		01/01/1935		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5491	Thòng A Cầu	16/05/1935			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5492	Lý Mán Mùi		01/02/1935		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5493	Trần Hồn Sênh	12/05/1935			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5494	Ừng Sin Sếng	01/01/1936			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5495	Sóc A Sám		01/01/1936		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	500.000	
5496	Ừng A Sáng	02/03/1957			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5497	Hồ Sỹ	03/03/1936			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5498	Trương A Sy	20/11/1936			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5499	Vây Nhít Zénh		01/01/1936		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5500	Vấn Chấn Phở	18/07/1937		270921011	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5501	Năm Sau Chấn		06/05/1986	271647732	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5502	Lý Mỹ Quyền		09/11/2006		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5503	Trần Thị Hội		11/09/1981	272599411	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5504	Phạm Văn Thuần	02/09/1955		272602189	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5505	Hồ Giếng Khi	29/10/1937		270758231	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5506	Trương Thị Kim		10/09/1937	270032888	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5507	Phùng Sâm Mùi		06/06/1937	270757642	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5508	Lâm Tinh Sáng	06/12/1937		272153457	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	
5509	Vòng A Mùi		13/11/1937	272851793	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5510	Phan Thị Bưng		01/01/1938	270658393	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5511	Trần Mộc Mùi		04/03/1938	270757598	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5512	Tô Văn Phúc	20/03/1939		270458276	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5513	Nguyễn Thị Thắm		20/06/1938	271769196	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5514	Miêu Tàu Trán		16/06/2012		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5515	Miêu Phí	22/04/1993			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5516	Nguyễn Văn Út	01/01/1953		271871086	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5517	Phan Thị Hoàng		01/01/1958		ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5518	Tăng Lưu Khả Khang	15/08/2005			ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5519	Đường Quang Dưỡng	01/01/1939		270894004	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5520	Chí Nhíp Phí	30/10/1989		271939475	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5521	Trương Ngọc Hương		06/04/1939	270508986	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5522	Chénh Lìn Và	23/12/1938		270515668	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5523	Lâu A Mùi		10/11/1939	270769113	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5524	Thòng Bắc Sáng	26/11/1939		270757433	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5525	Trương Lộc Mùi		01/01/1937	270672136	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5526	Nguyễn Văn Rợ	01/01/1940		271665892	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5527	Vòng A Mùi		12/01/1940	271949144	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5528	Chiếng Phòng Hỷ		01/01/1940	272768843	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5529	Ngân Phan Phụ	14/07/1963		270755770	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5530	Tân A Pâu	16/02/1977		271313276	ấp Tân Thành, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5531	Nguyễn Thị Bình		01/01/1967		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5532	Ngô Phan Bảo Châu		01/01/1981		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5533	Nguyễn Thị Hồng Phúc		25/01/1985		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5534	Lê Thị Chuyên		01/01/1922		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5535	Trần Thị Lý		01/01/1919		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5536	Trần Thị Thín		01/01/1925		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5537	Trần Văn Nhiên	06/02/2006			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5538	Trần Văn Hùng	06/05/1978			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5539	Đặng Thị Mót		08/02/1936		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	500.000	
5540	Phan Mạnh Hùng	20/03/1966			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5541	Nguyễn Thị Hoàn		06/12/1993		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5542	Nguyễn Thị Mai		08/06/1968		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5543	Trần Đình Mỹ	08/08/1984			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5544	Lê Thị Thanh		26/06/1954		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5545	Trần Hữu Duy Phước	01/01/1974			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5546	Hà Thị Ngâu		01/01/1926		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5547	Phan Thị Quọt		01/01/1930		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5548	Vũ Viết Kiêm	01/01/1926			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5549	Nguyễn Thị Lạc		01/01/1936		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5550	Phan Văn Chính	01/01/1930			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5551	Đặng Thị Riệu		30/04/1937	272724231	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5552	Nguyễn Thị Hiền		01/01/1927		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5553	Phan Đức Tuyên	19/03/1970			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5554	Bùi Thị Đài		01/01/1931		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5555	Hồ Thị Chí		01/01/1927		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5556	Hồ Thị Hồng Quy		15/02/1950	270581972	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5557	Đặng Thị On		24/05/1927		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5558	Nguyễn Ngọc Dương	01/01/1931			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5559	Nguyễn Thị Bé		20/05/1937	190508122	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5560	Trần Thị Châu		06/03/1930		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5561	Trần Thị Thúy Hằng		05/07/1983	271657826	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5562	Nguyễn Thị Trò		01/01/1932		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5563	Nguyễn Văn Hòa	01/01/1932			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5564	Vũ Thị Vóc		16/05/1935		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5565	Hoàng Thị Thảo		01/01/1932		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	
5566	Nguyễn Do	01/01/1928			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5567	Nguyễn Thị Chung		01/01/1933		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5568	Tạ Thị Đậu		01/01/1933		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5569	Vũ Thị Sáng		01/01/1933		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5570	Nguyễn Hữu Tĩnh	01/01/1933			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5571	Lê Thị Tú Anh		01/01/2000		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5572	Trương Hải	12/12/1971		270967942	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5573	Trương Ngọc Hoài Hào		15/12/1998	272603975	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5574	Trần Nguyễn Trung Hiếu	17/11/2004			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5575	Nguyễn Minh Vương	01/01/1955		271647584	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5576	Nguyễn Hoài Thanh Tú		17/07/2003		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5577	Đặng Thị Gái		02/01/1934		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5578	Vũ Đình Thanh	06/10/1934			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5579	Nguyễn Thị Khánh		10/10/1934		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5580	Hà Thị La		30/05/1937	272482201	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5581	Nguyễn Thị Huệ		08/11/1980	271373876	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5582	Phan Thị Hòa		07/08/1937	370156709	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5583	Hoàng Thị Côi		04/06/1934		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5584	Nguyễn Thị Tranh		01/04/1934		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5585	Nguyễn Văn Bảy	11/04/1934			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5586	Phạm Thị Em		01/01/1936		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5587	Nguyễn Thị Trúc Linh		19/07/1981		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5588	Võ Hoài Ân	14/12/1986			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5589	Trần Phan Thanh Nhã		29/09/2003		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5590	Nguyễn Thị Minh Hiếu		05/05/1989		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5591	Nguyễn Công Long	07/10/1946		272126856	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5592	Lê Thị Biền		01/01/1935		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5593	Bùi Thị Giải		01/01/1935		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5594	Nguyễn Thị Lạng		01/01/1935		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5595	Đặng Văn Tâm	20/10/1978			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5596	Lại Thị Thơm		10/02/1937	270989343	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5597	Nguyễn Văn Đạo	06/05/1935			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5598	Hín Tạt Liên		17/09/1988		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5599	Trình Xuân Thành	24/03/1968			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5600	Nguyễn Thị Kim Loan		19/09/2003		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5601	Nguyễn Thị Mộng		02/01/1937		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5602	Nguyễn Văn Lực	17/01/1973			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5603	Nguyễn Văn Khứ	12/08/1937		270685087	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5604	Lê Thị Tiệm		17/07/1938	270685121	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5605	Mai Hùng Phi	15/01/1954		272559904	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5606	Vũ Nguyễn Thiên Ân	24/06/2011			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5607	Nguyễn Thị Lụa		07/02/1975	271169228	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5608	Nguyễn Thị Lin Na		24/04/1954	270667516	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5609	Nguyễn Thị Chanh		23/01/1987	256755234	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5610	Nguyễn Thị Sinh		30/12/1937	271693107	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5611	Vân Thị Huệ		24/10/1937	270658706	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5612	Lê Thị Ba		01/01/1937	272308479	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5613	Đỗ Thị Thương		10/06/1952	272603988	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5614	Nguyễn Văn Ánh	05/10/1947		271872353	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5615	Nguyễn Thị Khuyên		01/01/1938	272559753	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5616	Nguyễn Máy	20/06/1938		272028304	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5617	Đặng Công Châu	20/08/1938		270685088	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5618	Trần Văn Hoàng	01/01/1957		270685372	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5619	Nguyễn Thị Thu		01/01/1960		ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5620	Hoàng Thị Khoái		02/02/1942	270685100	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5621	Đặng Công Thắng	10/04/1972			ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5622	Lê Thị Hoa		01/01/1939	270684229	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5623	Nguyễn Thị Quảng		24/04/1984	271567588	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5624	Phạm Thị Sang		07/04/1949	271647599	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5625	Ngô Tấn Nguyên	10/10/1946		271647917	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5626	Lê Thị Vui		29/11/1964	272028020	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5627	Trần Quang Chờ	01/05/1939		272240216	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5628	Lê Thị Hương		01/01/1939	260175024	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5629	Phạm Văn Thạch	20/06/1939		270685176	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5630	Trương Trần	03/06/1939		270685193	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5631	Mai Hữu Ninh	15/09/1967		022684643	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5632	Nguyễn Thị Huyền Mai		04/08/1946	021369782	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5633	Nguyễn Văn Thứ	01/10/1939		270658854	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5634	Vòng A Hòa	14/08/1961		524856804	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5635	Trần Thị Gái		01/01/1940	272308438	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5636	Nguyễn Thị Nhấn		01/01/1940	220257914	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5637	Vũ Thị Xuân		13/03/1962	270658650	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5638	Nguyễn Thị Dung		04/08/1956	270568895	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5639	Nguyễn Văn Cườn	10/03/1940		272493536	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5640	Trần Đại Lợi	09/09/1939		270685233	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5641	Đinh Dũng Trí	04/11/1965		270658507	ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5642	Hồ Thị Cẩm Nhung		08/11/1972		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5643	Hồ Thị Hồng		03/03/1965		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5644	Lê Thị Lệ Vân		01/01/1967		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5645	Lê Thế Tuấn	01/01/1971			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5646	Đinh Thị Lan		13/01/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5647	Bùi Văn Kiêm	01/09/1956			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5648	Vũ Thị Bắc		01/01/1924		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5649	Đoàn Thị Ninh		02/01/1971	271033815	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5650	Phạm Thị Hiền		01/01/1976		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5651	Phạm Công Xuân	01/01/1925			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5652	Đỗ Thị Dung		01/01/1928		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5653	Trần Thị Hoa		01/01/1929		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5654	Ngô Thìn	15/10/1928			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5655	Trần Thị Chít		20/01/1930		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5656	Cún Sỳ		01/01/1929		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5657	Đặng Thị Boi		03/06/1929		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5658	Nguyễn Thị Ý		01/01/1926		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5659	Ngô Tấn Chương		20/09/1993		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5660	Ngô Tấn Thanh		22/10/1964	270658487	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5661	Hồng Phở Kiú		01/01/1931		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5662	Trần Thị Yên		20/05/1930		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5663	Nguyễn Văn Ất		01/01/1931		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5664	Ngô Thị Hoa		01/01/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5665	Sấm Quay Phúc		11/05/1972		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5666	Vòng Su Khui		01/01/1932		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5667	Lê Thị Nhung		01/01/1932		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5668	Nguyễn Thị Mừng		01/01/1932		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5669	Nguyễn Văn Cảnh		01/01/1957	271415036	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5670	Nguyễn Văn Hậu		24/11/1968	270760830	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5671	Y A Mán		14/07/1933		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5672	Y A Ôi		01/03/1974	271120048	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5673	Vũ Thị Hồng Nhung		01/01/2001		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5674	Tướng Thị Nhung		06/11/1932		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5675	Nguyễn Thị Cửu		01/01/1934		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5676	Lư Cá Tắc	05/05/1934			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5677	Trần Đức Định	05/02/1934			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5678	Nguyễn Hữu Ly	10/02/1934			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5679	Trần Thị Côi		20/05/1935		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5680	Sản Nhì Cầu	18/02/1982			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5681	Lù Sám Múi		02/06/1961		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5682	Nguyễn Văn Doan	20/10/1955			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5683	Trịnh Ngọc Quý	10/01/1935			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5684	Võ Thị Hương		15/04/1941	272127008	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5685	Trịnh Ngọc Quang	30/03/1959			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5686	Trịnh Ngọc Quỳnh	01/01/1964			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5687	Vũ Quang Kỳ	09/01/1935			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5688	Giềng Pắc Mùi		15/03/1935		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5689	Nguyễn Văn Bảo	01/05/1935			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5690	Phan Nguyễn Anh Thư	12/12/2011			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5691	Nguyễn Thành	01/01/1936			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5692	Nguyễn Văn Thuộc	07/03/1933			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5693	Nguyễn Thị Cúc		15/06/1936		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5694	Phún Công Phí	15/03/1936			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5695	Vòng A Kiủ		19/02/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5696	Lý Văn Sáu	05/11/1970			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5697	Nguyễn Thị Châu		01/01/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5698	Ngô Tấn Diệu	01/01/1937			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5699	Hoàng Thị Đào		01/01/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5700	Trần Thị Huệ		06/02/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5701	Nguyễn Thị Học		15/03/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5702	Nguyễn Văn Liệu	01/01/1939			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5703	Nguyễn Minh Đức	04/04/1984			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5704	Vũ Thị Lê		03/04/1937		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5705	Nguyễn Thị Trục		20/06/1964	270658974	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5706	Nguyễn Thị Hồng Lan		13/05/1981		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5707	Nguyễn Duy Long	15/11/1986		271700676	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5708	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1937	270685531	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5709	Trần Văn Viên	21/12/1937		272028162	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5710	Nguyễn Thị Triệu		19/09/1942	270684096	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5711	Trần Anh Tâm	22/12/1979		271313071	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5712	Trần Thị Pha		23/04/1981		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5713	Trần Mười	25/06/1956		272394276	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5714	Hỷ Năm Mùi		11/10/1965	270684526	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5715	Đặng Thị Diệu Hiền		01/12/1994		ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5716	Trần Hoàng	18/05/1999		272686355	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5717	Vũ Thị Hồng		01/01/1980	271451090	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5718	Nguyễn Hoài Phương	09/01/2001			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5719	Hồ Thị Bảy		01/01/1938	270685264	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5720	Trịnh Ngọc An	01/01/1938		271939277	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5721	Đặng Phước Thu	25/06/1956		270685229	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5722	Bùi Thị Nga		29/03/1960	270921278	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5723	Hoàng Thị Di		07/04/1938	270684339	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5724	Vũ Thị Thom		12/05/1938	160323208	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5725	Nguyễn Thị Bé Hai		01/01/1942	270658483	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5726	Ngô Tấn Thành	02/07/1985			ấp Trường An, xã Thanh Bình	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5727	Tào Thị Được		01/01/1939	270658858	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5728	Đặng Thị Ngậy		01/01/1939	272493439	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5729	Ngô Tấn Hiệp	28/04/1963		270684351	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5730	Nguyễn Thị Ty		20/12/1950	270967945	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5731	Hoàng Thị Thiểu		25/07/1939	272559889	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5732	Vũ Thị Vài		01/01/1940	272216673	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5733	Trần Chín	10/02/1940		272308356	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5734	Vũ Thị Ngon		15/03/1940	270685556	ấp Trường An, xã Thanh Bình	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5735	Phạm Thị Thái Trang		01/01/1974		kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5736	Nguyễn Thị Hiền		12/02/1980		kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5737	Thiều Thị Bôi		10/01/1948	272602413	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5738	Trần Thị Thinh		03/10/1938	271967005	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5739	Nguyễn Thịnh An	11/11/1999			kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5740	Lê Đình Khích	27/06/1935		271952911	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5741	Nguyễn Thị Kiến		01/01/1922	360596281	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5742	Hà Đình Giáp		13/11/1984	271567325	kp 1, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5743	Vương Thị Bùng		01/01/1925	270425177	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5744	Lương Văn Ren	01/01/1949			kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5745	Lê Thị Lược		01/01/1944	100010172	kp 1, TT. Trảng Bom	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5746	Nguyễn Mạnh Hùng	03/06/1957		270702725	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5747	Vũ Thị Nương		10/09/1979	272498982	kp 1, TT. Trảng Bom	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
5748	Lưu Thị Thủy Soi		28/08/1968	271478752	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5749	Trần Minh Hải	20/10/1981		271822216	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5750	Trần Hoàng Cung	01/01/1966		270834247	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5751	Chu Văn Hoạch	15/08/1927		270994403	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5752	Võ Thị Kỳ		01/01/1927	270435077	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5753	Nguyễn Thị Hiền		02/02/1930	không có CMND	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5754	Phạm Thị Bìa		01/01/1931	270425602	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5755	Nguyễn Thị Tư		10/12/1930	272432553	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5756	Trần Thị Bảy		01/01/1931	không có CMND	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5757	Lê Ngọc Minh	29/01/1971		không có CMND	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5758	Trương Thị Đa		04/01/1935	270434746	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5759	Nguyễn Thị Thu Nga		06/06/1964	không có CMND	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5760	Chường A Phở		01/01/1930	270427927	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5761	Hồ Năm	01/01/1932		270434362	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5762	Nguyễn Thị Hai		20/07/1932	270435536	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5763	Châu Văn Hây	05/05/1962		272505607	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5764	Nguyễn Văn Đạt	01/01/1968			kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5765	Đoàn Thị Hai		01/01/1933	270425622	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5766	Phạm Thị Vượn		02/01/1933	272191694	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5767	Nguyễn Văn Đức	01/01/1957		270434647	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5768	Nguyễn Thị Mai Vân		05/07/1975		kp 1, TT. Trảng Bom	Người nhiễm HIV	450.000	1.500.000	
5769	Võ Thị Ngọc		01/01/1935	270425042	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5770	Võ Tri Hoàng	01/01/1937		270425116	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5771	Nguyễn Khắc Bảo	01/01/1935		270431212	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5772	Phan Tấn Mỹ	01/01/1945		270418360	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	600.000	
5773	Bùi Đức Linh	21/10/1981		271373758	kp 1, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5774	Nguyễn Mạnh Hiếu	06/04/1991		Khuyết tật	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5775	Hồ Thị Bánh		01/01/1937	270424867	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5776	Quan A Cầu	25/02/1937		270425652	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5777	Nguyễn Thị Xuân		10/04/1937	272461483	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5778	Đỗ Văn Trọng	24/10/1937		272461437	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5779	Nguyễn Thị Hạnh		10/05/1964	270424966	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5780	Nguyễn Thị Minh		22/07/1937	272667959	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5781	Nguyễn Thị Út		20/10/1937	270425390	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	
5782	Nguyễn Thị Thu		09/11/1937	272037690	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5783	Hồ Văn Biên	01/01/1938		272037690	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5784	Hà Văn Niệm	01/01/1938		270425317	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5785	Phạm Thị Vững		01/01/1937	270424955	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5786	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1938		280320044	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5787	Võ Thị Ngọc		01/01/1938	272548042	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5788	Trần Văn Hạnh	15/06/1954		270418521	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5789	Nguyễn Hữu Phương	01/07/1938		272283793	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5790	Nguyễn Thanh Nhân	05/12/1961		270797459	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5791	Hà Khánh Phương	02/06/2017		còn nhỏ	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5792	Lê Thị Thùy Linh		24/03/1977	271280143	kp 1, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5793	Lê Văn Ngà	05/07/1939		271549323	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5794	Nguyễn Thị Anh		01/01/1938	270425829	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5795	Nguyễn Thị Trinh		13/06/1939	271872011	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5796	Nguyễn Thị Thanh Tâm		01/01/1940	271647965	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5797	Lê Phú Sỹ	16/10/1939		272724037	kp 1, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5798	Huỳnh Văn Ngàn	01/01/1964			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5799	Lại Thị Ngọc Hương		01/01/1963		kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5800	Đào Hữu Nhân	29/09/1981		272153057	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5801	Đỗ Thành Nhơn	03/01/1953		Khuyết tật	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5802	Trần Ngọc Thy		12/01/1990	271967158	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5803	Nguyễn Thế Vinh	01/01/1981		Khuyết tật	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5804	Võ Thị Hồng		30/10/1928	210784709	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5805	Nguyễn Văn Phú	01/01/1930		270418337	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5806	Phạm Thị Mỹ		01/01/1932	270418338	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5807	Nguyễn Văn Thà	01/01/1930		270427888	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5808	Nguyễn Hoài Linh	22/07/2008		còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5809	Phan Thị Tuyết Hạnh		12/10/1983		kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5810	Lý Cảnh Nam	16/01/1986		271646592	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5811	Hoàng Thị Bạch		05/02/1989	271290277	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5812	Hồ Sinh Cú		02/09/1961	270427781	kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5813	Nguyễn Thị Mộc		01/01/1928	272273286	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5814	Lê Thị Nhứt		01/01/1928	270425577	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	450.000	1.500.000	
5815	Tòng Sĩ Múi	01/01/1960		271121249	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	300.000	1.500.000	
5816	Đỗ Thị Út		01/01/1931	không có CMND	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5817	Lê Thị Hằng		01/01/1931	270432129	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5818	Đồng Ngọc Lợi	01/01/1928		không có CMND	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5819	Vũ Sơn Tùng	28/07/1985		không có CMND	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5820	Nguyễn Thị Kiều		01/01/1948	270418554	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	